

Tailieu.vn

Giáo trình Kinh tế lâm nghiệp

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ LÂM NGHIỆP

1.1. Vai trò và đặc điểm sản xuất lâm nghiệp

1.1.1 Khái niệm lâm nghiệp

Để đi đến khái niệm về lâm nghiệp, trên thực tế đã có nhiều quan điểm:

- *Quan điểm thứ nhất*: cho rằng lâm nghiệp là một ngành sản xuất vật chất trong nền kinh tế quốc dân có chức năng xây dựng và quản lý bảo vệ rừng.

Với quan điểm này, lâm nghiệp chỉ bao gồm các hoạt động về trồng rừng, chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, bảo vệ nhằm cung cấp lâm đặc sản, phòng hộ và bảo vệ môi trường sống cho xã hội. Sản phẩm cuối cùng của hoạt động lâm nghiệp là tạo ra rừng thành thực công nghệ; đó chỉ là những sản phẩm tiềm năng, chưa thành sản phẩm hàng hoá cuối cùng được trao đổi trên thị trường.

Như vậy, quan điểm thứ nhất đã bộc lộ một số vấn đề tồn tại :

+ Một là khi đã khẳng định lâm nghiệp là một ngành sản xuất vật chất nhưng sản phẩm cuối cùng lại chưa được lưu thông, trao đổi, mua bán trên thị trường để thu hồi vốn tái sản xuất cho chu kỳ tiếp theo. Sản phẩm được khai thác từ rừng lại được thống kê, hạch toán vào tổng sản phẩm công nghiệp.

+ Hai là về phương diện kỹ thuật lâm sinh thì khai thác và tái sinh có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Khai thác được xem là một trong những giải pháp kỹ thuật lâm sinh quan trọng trong tái sản xuất tài nguyên rừng.

+ Ba là về phương diện kinh tế - xã hội, mục đích cuối cùng của xây dựng rừng là để sử dụng (khai thác) và chỉ có khai thác mới thu hồi được vốn để tái sản xuất mở rộng tài nguyên rừng.

+ Bốn là về phương diện quản lý, hiện nay ngành lâm nghiệp đang quản lý các hoạt động không chỉ thuộc lĩnh vực lâm sinh mà còn cả lĩnh vực khai thác và chế biến lâm sản.

- *Quan điểm thứ hai* : cho rằng lâm nghiệp là một ngành sản xuất vật chất đặc biệt không chỉ có chức năng xây dựng, quản lý, bảo vệ rừng mà còn có chức năng khai thác sử dụng rừng.

Như vậy, với quan điểm này khái niệm về lâm nghiệp đã được mở rộng. Sản phẩm cuối cùng của lâm nghiệp đã là sản phẩm hàng hoá được mua bán, trao đổi trên thị trường. Quan điểm này đã đề cao vai trò của lâm nghiệp trong nền kinh tế quốc dân và đã coi hoạt động xây dựng và sử dụng rừng là hai giai đoạn của quá trình tái sản xuất tài nguyên rừng. Từ đó đã tạo điều kiện thuận lợi để lâm nghiệp phát triển toàn diện.

Tuy nhiên, quan điểm này đã lồng ghép hai lĩnh vực hoàn toàn khác nhau vào một ngành sản xuất cũng có những vấn đề khó khăn về công tác tổ chức, quản lý và hạch toán kinh tế. Mặt khác, khi nhấn mạnh quan điểm này, có thể người ta chỉ tập trung vào khai thác bóc lột tài nguyên rừng và ít quan tâm đến

phát triển lâm nghiệp bền vững. Do đó, tài nguyên rừng nhanh chóng bị cạn kiệt, đặc biệt trong thời kỳ lâm nghiệp hoạt động trong cơ chế bao cấp.

- *Quan điểm thứ ba*: xuất phát từ thực trạng quản lý ngành lâm nghiệp và đứng trên góc độ khép kín của quá trình tái sản xuất thì lâm nghiệp là một ngành sản xuất vật chất ngoài chức năng xây dựng rừng, quản lý bảo vệ rừng, khai thác vận chuyển còn bao gồm cả chế biến lâm sản.

Như vậy, quan điểm thứ ba tương đối toàn diện hơn hai quan điểm trên. Quan điểm này vừa đảm bảo tính thống nhất trong quá trình tái sản xuất, vừa đảm bảo chu trình sản xuất khép kín. Tuy nhiên, với quan điểm này đã ghép toàn bộ các hoạt động có chu kỳ sản xuất, có đối tượng tác động, có công nghệ sản xuất hoàn toàn khác biệt vào một ngành cũng đã đặt ra hàng loạt vấn đề cần giải quyết: đầu tư, tổ chức sản xuất, áp dụng công nghệ, đánh giá hiệu quả và cơ chế chính sách để phát triển toàn diện ngành lâm nghiệp.

Mặt khác, hiểu theo nghĩa rộng từ khi ghép bộ, lâm nghiệp là lĩnh vực sản xuất trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tuy nhiên, quan điểm có khác nhau cũng không làm suy giảm vai trò của lâm nghiệp trong nền kinh tế quốc dân và đời sống xã hội.

Từ những quan điểm trên người ta đã thống nhất đưa ra khái niệm về lâm nghiệp :

Lâm nghiệp là ngành sản xuất vật chất độc lập của nền kinh tế quốc dân có chức năng xây dựng rừng, quản lý bảo vệ rừng, khai thác lợi dụng rừng, chế biến lâm sản và phát huy chức năng phòng hộ của rừng.

1.1.2. Vai trò của lâm nghiệp trong nền kinh tế quốc dân

Lâm nghiệp là một ngành sản xuất vật chất đặc biệt, sản phẩm lâm nghiệp có tác dụng nhiều mặt trong nền kinh tế quốc dân và trong đời sống xã hội. Trong Luật bảo vệ và phát triển rừng có ghi “Rừng là tài nguyên quý báu của đất nước, có khả năng tái tạo là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái, có giá trị to lớn đối với nền kinh tế quốc dân, gắn liền đời sống của nhân dân với sự sống còn của các dân tộc” Có thể kể ra đây một số vai trò quan trọng:

a. Lâm nghiệp có vai trò cung cấp lâm sản, đặc sản phục vụ các nhu cầu của xã hội:

- Cung cấp lâm sản, đặc sản phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng xã hội, trước hết là gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, cho xây dựng cơ bản.

- Cung cấp động vật, thực vật là đặc sản phục vụ nhu cầu tiêu dùng của các tầng lớp dân cư.

- Cung cấp dược liệu quý phục vụ nhu cầu chữa bệnh và nâng cao sức khỏe cho con người.

- Cung cấp lương thực, nguyên liệu chế biến thực phẩm... phục vụ nhu cầu đời sống xã hội...

b. Lâm nghiệp có vai trò làm chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sống, cảnh quan văn hoá xã hội:

- Phòng hộ đầu nguồn, giữ đất, giữ nước, điều hoà dòng chảy, chống xói mòn rửa trôi thoái hoá đất, chống bồi đắp sông ngòi, hồ đập, giảm thiểu lũ lụt, hạn chế hạn hán, giữ gìn được nguồn thủy năng lớn cho các nhà máy thủy điện.

- Phòng hộ ven biển, chắn sóng, chắn gió, chống cát bay, chống sự xâm nhập của nước mặn...bảo vệ đồng ruộng và khu dân cư ven biển...

- Phòng hộ khu công nghiệp và khu đô thị, làm sạch không khí, tăng dưỡng khí, giảm thiểu tiếng ồn, điều hoà khí hậu tạo điều kiện cho công nghiệp phát triển.

- Phòng hộ đồng ruộng và khu dân cư: giữ nước, cố định phù sa, hạn chế lũ lụt và hạn hán, tăng độ ẩm cho đất...

- Bảo vệ khu di tích lịch sử, nâng cao giá trị cảnh quan và du lịch...

c. Lâm nghiệp có vai trò tạo nguồn thu nhập và giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân, đặc biệt là đồng bào thuộc vùng trung du miền núi:

- Tài nguyên rừng trước hết là cơ sở vật chất, kỹ thuật chủ yếu quan trọng quyết định đến phát triển lâm nghiệp. Tài nguyên rừng là nguồn thu nhập chính của đồng bào các dân tộc miền núi. Hiện nay đất lâm nghiệp quản lý gần 60% diện tích tự nhiên và chủ yếu tập trung vào vùng trung du, miền núi, nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào các dân tộc ít người.

- Địa bàn sản xuất lâm nghiệp là cơ sở quan trọng để phân bố dân cư, điều tiết lao động xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo cho xã hội...

d. Lâm nghiệp có chức năng nghiên cứu khoa học:

Đối tượng sản xuất lâm nghiệp là rừng. Rừng luôn chứa đựng nhiều vấn đề bí ẩn cần phải bảo tồn và nghiên cứu, đặc biệt là tính đa dạng sinh học của rừng không chỉ có giá trị trước mắt mà còn có giá trị cho các thế hệ tương lai...

1.13. Đặc điểm sản xuất lâm nghiệp

Lâm nghiệp là một ngành sản xuất vật chất độc lập trong nền kinh tế quốc dân, cũng như các ngành kinh tế khác, để hình thành và khẳng định tính tất yếu khách quan tồn tại và phát triển, mỗi ngành đều có những đặc điểm phản ánh tính đặc thù của mình. Những đặc thù này có tính quyết định đến việc tổ chức sản xuất, quản lý sử dụng các nguồn lực của ngành. Nghiên cứu các đặc điểm sản xuất để hoạch định chiến lược phát triển và qua đó đề ra những chiến thuật (các giải pháp quản lý), khai thác triệt để các nguồn lực nhằm hướng tới mục tiêu hiệu quả kinh tế-xã hội cao nhất.

Trong sản xuất lâm nghiệp có những đặc điểm chủ yếu:

a. Chu kỳ sản xuất dài: Đây là đặc điểm quan trọng, mang tính đặc thù của ngành.

Chu kỳ sản xuất được tính là khoảng thời gian kể từ khi chuẩn bị đưa các yếu tố vào sản xuất đến khi tạo ra sản phẩm sẵn sàng tiêu thụ.

Chu kỳ sản xuất là tiêu thức phản ánh đặc điểm sản xuất của các ngành sản xuất và chủ yếu là do đối tượng sản xuất quyết định.

Đối với lâm nghiệp, đối tượng sản xuất là rừng. Khác với đối tượng sản xuất của các ngành khác, rừng là cơ thể sống, trong đó quần xã cây rừng đóng vai trò chủ đạo và chúng khác biệt với các loài thực vật khác là chu kỳ sinh trưởng kéo dài và phát triển chậm. Nếu tính chu kỳ thành thực tự nhiên phải hàng trăm năm, còn chu kỳ thành thực công nghệ cũng phải hàng chục năm trong khi đó chu kỳ sản xuất của một số sản phẩm thuộc ngành công nghiệp chu kỳ chỉ tính bằng giờ, bằng phút và ngay ngành nông nghiệp (trừ một số loài cây ăn quả và cây công nghiệp), chu kỳ sản xuất cũng chỉ tính bằng ngày, bằng tháng...

Do đặc điểm sản xuất dài đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tổ chức sản xuất, tình hình quản lý, sử dụng các yếu tố nguồn lực trong lâm nghiệp. Trước hết là vốn đầu tư lớn, vốn bị ứ đọng ở sản phẩm dở dang nằm tại rừng, dưới dạng rừng non, rừng chưa thành thực công nghệ, do đó tốc độ chu chuyển chậm, thời hạn thu hồi lâu và thường hiệu quả đầu tư thấp.

Mặt khác, sản xuất lâm nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên lại diễn ra trong thời gian dài, chắc chắn sẽ có nhiều rủi ro, khó bảo vệ thành quả lao động. Đây cũng là điểm kém hấp dẫn các nhà đầu tư bỏ vốn vào kinh doanh rừng. Đặc biệt là sản xuất lâm nghiệp diễn ra trong cơ chế thị trường, giá cả luôn luôn bị tác động bởi yếu tố thời gian, chi phí cơ hội lớn, người đầu tư khó có thể dự đoán được kết quả đầu ra... Trong công tác nghiên cứu khoa học cũng gặp phải những cản trở không nhỏ, có những công trình diễn ra trong thời gian dài mới có kết quả, do đó các nhà khoa học ít có cơ hội tự đánh giá tổng kết công trình nghiên cứu của mình...

Từ những khó khăn cản trở trên, vấn đề cần đặt ra đối với Nhà nước nói chung và đối với các nhà quản lý lâm nghiệp nói riêng là gì ?

Trước hết về phía Nhà nước phải có chính sách đầu tư, hỗ trợ về vốn cho phát triển lâm nghiệp, bằng các chương trình dự án và có chính sách cho vay vốn dài hạn với lãi suất ưu đãi cho kinh doanh và phát triển rừng, phải quy hoạch tổng thể đồng bộ và ổn định, đồng thời cần phải có chính sách bảo hiểm cho người làm rừng khi gặp phải rủi ro..

Đối với các nhà quản lý, trong sản xuất lâm nghiệp phải xây dựng kế hoạch dài hạn, thận trọng chọn loại cây trồng phù hợp với từng vùng sinh thái. Xây dựng các mô hình tổ chức phù hợp với đặc điểm sản xuất chu kỳ sản xuất dài. Cần có chính sách đầu tư thoả đáng cho công tác nghiên cứu khoa học và công tác nghiên cứu khoa học cần tập trung nghiên cứu để tạo ra các loài cây cho năng suất cao, có khả năng rút ngắn được chu kỳ thành thực công nghệ để hạn chế sự ảnh hưởng của yếu tố thời gian đối với sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Barbier, E.B., 1993. 'Valuing tropical wetland benefits: Economic methodologies and applications', *Geographical Journal* (1) 59:22-32.
- Barbier, E.B., 1994. 'Valuing Environmental Functions: tropical wetlands', *Land Economics*, 70 (2): 155-73.
- Barbier, E.B., Acreman, M., và Knowler, D., 1997. *Economic valuation of wetlands: a guide for policy makers and planners*, Ramsar Convention Bureau, Switzerland.
- Boardman, A.E., Greenberg, D.H., Vining, A.R. and Weimer, D.L., 1996. *Cost-Benefit Analysis: concepts and practice*, Prentice Hall, Upper Saddle River, NJ 07458.
- Bowes, M.D. and Krutilla, J.V., 1989. Multiple-use management: the economics of public forestlands, Resources for the Future, Washington, D.C.
- Freeman, A.M., III, 1993a. *The Measurement of Environmental and Resource Values: theory and methods*, Resources for the Future, Washington D.C.
- Freeman, A.M., III, 1993b. 'Non-use value in natural resource damage assessment', in R.J. Kopp and K.V. Smith (eds), *Valuing Natural Assets: the economics of natural resource damage assessment*, Resources for the Future, Washington DC
- Gilpin, A., 2000. *Environmental Economics: a critical review*, John Wiley & Sons, Ltd, Chichester & New York.
- Hartwick, J.M. and Olewiler, N.D., 1998. The economics of natural resource use, Addison-Wesley Educational Publisher, Inc., Massachusetts.
- IIED, 1994. *Economic Evaluation of Tropical Forest Land Use Options* (Draft), Environmental Economic Program, London.
- Munasinghe, M., 1992. 'Biodiversity protection policy: environmental valuation and distribution issues', *AMBIO*, 21(3):227-36.
- Pearce, D.W. and Warford, 1993. *World Without End: Economics, environment and sustainable development*, Oxford University Press, New York.
- Price, C., 1989. The theory and application of forest economics, Basil Blackwell Ltd, Oxford.
- Sutherland, R.J. and Walsh, R.G., 1985. 'Effect of distance on the preservation value of water quality', *Land Economics*, 61(3):281-91.
- Tietenberg, T.H., 1992. *Environmental and natural resource economics*, Harper Collins Publishers Inc., New York.
- Walsh, R.G., Loomis, J.B. and Gillman, R.A., 1984. 'Valuing option, existence and bequest demands for wilderness', *Land Economics*, 60(1):14-29.

Walsh, R.G., Sanders, L.D. and Loomis, J.B., 1985. *Wild and Scenic River Economics: recreation use and preservation values*, American Wilderness Alliance, Englewood, Colorado.

Tailieu.vn